

Số: 91/KHCL-MNNB

Nà Bó, ngày 18 tháng 9 năm 2019

KẾ HOẠCH
Chiến lược phát triển Trường Mầm non Nà Bó giao đoạn 2019-2025

Căn cứ Quyết định số 1677/QĐ-TTg ngày 03/12/2018 của Thủ tướng chính phủ Quyết định phê duyệt Đề án phát triển Giáo dục Mầm non giai đoạn 2018-2025;

Căn cứ Quyết định số 1065/QĐ-BGDĐT ngày 19/4/2019 của Bộ Giáo dục Đào tạo Quyết định ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển Giáo dục Mầm non giai đoạn 2018-2025;

Căn cứ kế hoạch triển khai Đề án phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn ban hành kèm theo Quyết định số 424/QĐ-UBND ngày 20/2/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La;

Căn cứ Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2018-2025 của xã Nà Bó huyện Mai Sơn.

Trường Mầm non Nà Bó xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2019-2025 với những nội dung như sau:

Phần thứ nhất
Thực trạng trường mầm non Nà Bó hiện nay
Mở đầu

Nà Bó là xã vùng I của huyện Mai Sơn cách trung tâm huyện 08km. Diện tích tự nhiên 6.382 ha, dân số 5.549 người. Xã Nà Bó có 06 dân tộc anh em (Thái, Tày, Mường, Mông, K.Mú) trong đó gồm 13 bản, Tiểu khu, 2 trường học và 1 trạm y tế.

Hệ thống chính trị được củng cố từ xã đến các bản, các trường học và các cơ quan đóng trên địa bàn. Nhân dân các dân tộc trong xã luôn đoàn kết, phát huy tính năng động, sáng tạo, quyết tâm vượt khó đi lên, xây dựng quê hương.

Những năm gần đây sự nghiệp giáo dục của xã Nà Bó đã được quan tâm và phát triển cả về số lượng và chất lượng, công tác xã hội hóa giáo dục và phong trào khuyến học của xã cũng như các bản, các nhà trường được củng cố, kiện toàn và phần nào khởi sắc, cơ sở vật chất, thiết bị của nhà trường đã và đang đầu tư theo hướng kiên cố hóa, hiện đại hóa.

Xã Nà Bó có 02 trường từ giáo dục mầm non đến giáo dục trung học cơ sở (01 trường mầm non, 01 trường phổ thông cơ sở và tiểu học). Trong đó trường mầm non có 541 học sinh từ 2-6 tuổi học tại các bản tạo điều kiện cho học sinh đi học được thuận lợi.

1. Thuận lợi

Trường Mầm non Nà Bó được sự quan tâm của Đảng bộ, HĐND-UBND huyện Mai Sơn, Đảng bộ, HĐND - UBND, các ban ngành xã Nà Bó, sự chỉ đạo sát sao có hiệu quả của phòng GD - ĐT Mai Sơn.

Đa số phụ huynh học sinh có đời sống kinh tế ổn định, có nhận thức cao về tầm quan trọng của cấp học nên rất quan tâm đến con cái vì vậy rất tích cực trong việc đóng góp xây dựng, tu sửa cơ sở vật chất, kinh phí tổ chức các hoạt động, phối hợp chặt chẽ với nhà trường, giáo viên chủ nhiệm trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ.

Trường có chi bộ độc lập, lãnh đạo toàn diện các hoạt động của nhà trường, cán bộ giáo viên và phụ huynh đoàn kết, có trách nhiệm cao trong việc xây dựng nhà trường vững mạnh về mọi mặt.

Nhà trường có đội ngũ giáo viên đa số vững vàng về chuyên môn nghiệp vụ, nhiệt tình, yêu nghề tâm huyết với nghề, có kinh nghiệm trong công tác chăm sóc và giáo dục trẻ. Giáo viên luôn nỗ lực phấn đấu khắc phục khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ.

2. Khó khăn

Nhà trường có đội ngũ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo song toàn là nữ giới, có tuổi đời còn trẻ đang ở độ tuổi sinh con nên có phần nào ảnh hưởng tới các hoạt động phong trào chung của nhà trường.

Nhà trường chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trung tâm trường có diện tích đất không đủ tiêu chuẩn, nhà trường có nhiều điểm khó khăn.

I. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Hội đồng trường

Hội đồng Trường Mầm non Nà Bó được thành lập theo quyết định số 2412/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 và kiện toàn theo quyết định số 5140/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Mai Sơn.

Trong những năm học qua, các thành viên trong Hội đồng trường luôn hoạt động đúng theo quy định tại Điều lệ Trường mầm non và đúng pháp luật. Luôn thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng trường, Hội đồng trường đã xây dựng kế hoạch, quy chế hoạt động và có phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, đồng thời thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ, thực hiện hoạt động có hiệu quả theo Quy chế đã đề ra.

2. Các hội đồng khác

2.1. Hội đồng thi đua khen thưởng, kỷ luật

. Hội đồng thi đua khen thưởng

Hội đồng thi đua khen thưởng do hiệu trưởng thành lập vào đầu mỗi năm học. Hiệu trưởng là chủ tịch hội đồng thi đua khen thưởng. Các thành viên của hội

đồng gồm: phó hiệu trưởng, đại diện cấp ủy chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam, chủ tịch Công đoàn, bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, đại diện các tổ chuyên môn, đại diện tổ văn phòng. Số lượng thành viên trong hội đồng thi đua khen thưởng là số lẻ.

Hội đồng thi đua khen thưởng giúp hiệu trưởng tổ chức phong trào thi đua, đề nghị danh sách khen thưởng đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường.

Chủ tịch hội đồng thi đua khen thưởng triệu tập họp hội đồng định kỳ vào đầu năm học, cuối học kỳ I, cuối năm học và họp đột xuất khi có yêu cầu công việc.

Hội đồng kỷ luật được thành lập để xét hoặc xóa kỷ luật đối với người vi phạm theo từng vụ việc. Hiệu trưởng là chủ tịch hội đồng kỷ luật. Các thành viên của hội đồng gồm: phó hiệu trưởng, đại diện cấp ủy chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam, chủ tịch Công đoàn, bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, đại diện các tổ chuyên môn, tổ văn phòng.

2.2. Hội đồng sáng kiến

- Hội đồng sáng kiến kinh nghiệm được kiện toàn và hoạt động theo sự chỉ đạo của Chủ tịch hội đồng.

- Đầu năm học Hội đồng sáng kiến kinh nghiệm họp, có kế hoạch triển khai tới tập thể CBGVNV đăng ký tên sáng kiến và tiến hành viết sáng kiến kinh nghiệm.

- Trong quá trình thực hiện, Hội đồng sáng kiến kiểm tra tiến độ thực hiện sáng kiến kinh nghiệm của các cá nhân.

- Cuối năm học, căn cứ vào hướng dẫn của Phòng GDĐT về việc hướng dẫn chấm và xếp loại sáng kiến, Hội đồng sáng kiến của trường tiến hành chấm điểm và công nhận sáng kiến cho các cá nhân, xếp loại sáng kiến theo trình tự điểm từ cao xuống thấp. Hội đồng sáng kiến làm hồ sơ đề nghị cấp trên thẩm định.

2.3. Hội đồng tự đánh giá

Ngay từ đầu năm học Hiệu trưởng nhà trường ra Quyết định về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục Trường Mầm non Nà Bó.

Đồng thời, xây dựng kế hoạch tự đánh giá và phổ biến kế hoạch tự đánh giá đến toàn thể CB-GV-NV của nhà trường.

Hội đồng tự đánh giá đã triển khai các cuộc họp để thống nhất quy trình công tác tự đánh giá giáo dục của nhà trường và phân công nhiệm vụ, trách nhiệm cho từng thành viên và các nhóm công tác. Hội đồng gồm 01 nhóm thư ký (03 thành viên) và 03 nhóm công tác.

Nhà trường đã tổ chức tập huấn cho toàn thể CB-GV-NV trong nhà trường với thời gian 01 ngày về nội dung hướng dẫn tự đánh giá trường mầm non theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 quy định

về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non và gợi ý tìm minh chứng. Sau khi tập huấn, các nhóm công tác và từng cá nhân trong Hội đồng tự đánh giá đã tiến hành thực hiện phân tích tiêu chí, tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại, mã hóa các thông tin, minh chứng thu được và lập bảng danh mục mã minh chứng đầy đủ theo kế hoạch phân công.

Tổ chức họp Hội đồng tự đánh giá để thảo luận về những vấn đề nảy sinh từ các minh chứng thu được và xác định những thông tin, minh chứng cần thu thập bổ sung; đồng thời, các nhóm công tác chuyên trách báo cáo nội dung của từng phiếu đánh giá tiêu chí để lấy ý kiến góp ý và tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung các nội dung của phiếu đánh giá tiêu chí; viết báo cáo tự đánh giá và tổ chức họp Hội đồng tự đánh giá để thông qua báo cáo tự đánh giá, kiểm tra lại thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá và các nội dung liên quan trước khi công bố dự thảo báo cáo tự đánh giá trong nội bộ nhà trường; thu thập các ý kiến đóng góp, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá; trên cơ sở đó, đề xuất những kế hoạch cải tiến chất lượng.

Nhà trường đã công bố công khai báo cáo tự đánh giá trong hội đồng nhà trường và đăng lên trang thông tin điện tử của trường; tổ chức thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng theo từng giai đoạn nhằm cải tiến nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường.

Nhìn chung, công tác tự đánh giá của nhà trường được thực hiện đúng theo quy trình các bước mà Bộ GD&ĐT đã quy định, các thành viên trong nhóm công tác đã nỗ lực làm việc, tích cực, nhiệt tình trong việc thu thập các thông tin, minh chứng, đề xuất cải tiến chất lượng, đảm bảo tiến độ theo nội dung kế hoạch tự đánh giá của nhà trường đã đề ra.

2.4. Hội đồng tuyển sinh

- Vào đầu tháng 8 nhà trường đã tiến hành tổ chức họp Ban chi ủy, Ban giám hiệu để dự kiến và thống nhất danh sách các đồng chí cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia Hội đồng tuyển sinh, đồng thời lập danh sách các thành viên trong Hội đồng tuyển sinh đề nghị Phòng giáo dục và đào tạo ra Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh của nhà trường.

- Tổ chức họp Hội đồng tuyển sinh, xây dựng kế hoạch tuyển sinh, đồng thời phân công trách nhiệm từng thành viên trong Hội đồng tuyển sinh. Sau đó tổ chức họp Hội đồng nhà trường để thông báo đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường được biết để cùng phối hợp thực hiện

- Viết thông báo về kế hoạch tuyển sinh và các thủ tục nhập học để tuyên truyền và thông báo trên đài truyền thanh của xã và các bản, tiểu khu trên địa bàn xã. Đồng thời nhà trường đã thực hiện niêm yết kế hoạch và chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng độ tuổi của từng bản, tiểu khu tại các điểm trường cho phụ huynh nắm được.

2.5. Hội đồng nâng lương

Hội đồng nâng lương của nhà trường có các thành viên do Thủ trưởng đơn vị quyết định thành lập

Thành viên Hội đồng lương phải được ghi tên và chức danh cụ thể trong quyết định thành lập Hội đồng lương.

Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng lương

- a) Tổng hợp danh sách đề nghị nâng bậc lương;
- b) Kiểm tra, đối chiếu điều kiện, tiêu chuẩn nâng bậc lương;
- c) Lập danh sách công chức, viên chức và người lao động đủ điều kiện báo cáo Thủ trưởng đơn vị quyết định theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;
- d) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số.

3. Các tổ chức

3.1. Chi bộ Trường Mầm non Nà Bó

- Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong nhà trường lãnh đạo nhà trường và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Chi bộ làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, mọi chủ trương, nghị quyết đều phải được bàn bạc thống nhất trên nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số.

- Điều hành hội nghị chi bộ do tập thể chi bộ, tùy tính chất và nội dung của cuộc họp chi bộ sẽ phân công từng đảng viên phụ trách từng công việc cụ thể.

- Chi bộ và tổ đảng họp định kỳ mỗi tháng 1 lần (*không kể họp đột xuất*):

- Thời gian sinh hoạt chi bộ từ 22 đến 25 hàng tháng.

- Ban Chi ủy tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo cho toàn thể cán bộ, đảng viên quán triệt và triển khai thực hiện tốt các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và của địa phương, đơn vị. Không có trường hợp cán bộ, đảng viên vi phạm.

- Chi bộ tuyên truyền, vận động gia đình và nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước; Nêu cao tinh thần để nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực công tác.

- Nâng cao hiệu quả quản lý, thực hành tiết kiệm chống tham ô, lãng phí, xây dựng đơn vị không có hiện tượng tiêu cực.

- Tổ chức tốt việc ngăn ngừa, đấu tranh với những biểu hiện và tư tưởng và hành vi lệch lạc (nói, viết, làm,...) trái với quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

3.2. Công đoàn cơ sở Trường Mầm non Nà Bó

- Tổ chức Công đoàn trong nhà trường hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục.

- Ban Chấp hành là cơ quan lãnh đạo của công đoàn cơ sở, điều hành công việc giữa hai nhiệm kỳ Đại hội công đoàn cơ sở.

- Nội dung hoạt động của Ban Chấp hành bao gồm:

+ Tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội công đoàn cơ sở.

+ Tổ chức thực hiện Nghị quyết của công đoàn cấp trên, Nghị quyết của Đảng ủy cơ sở.

+ Vận động đoàn viên và lao động thực hiện tốt phong trào thi đua và các cuộc vận động của ngành, địa phương và đơn vị.

- Thường xuyên kiểm tra giám sát việc thực hiện các chế độ chính sách đối với đoàn viên và lao động, tổ chức các hoạt động xã hội từ thiện.

- Xây dựng và thực hiện quy chế hoạt động công đoàn cơ sở, tham gia xây dựng quy chế quản lý của cơ quan, đơn vị.

- Chỉ đạo hoạt động của công đoàn bộ phận và tổ công đoàn nhằm xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh.

- Quy định trách nhiệm cho mỗi ủy viên Ban Chấp hành công đoàn cơ sở phụ trách các ban chuyên đề hoặc làm Chủ tịch Công đoàn bộ phận và tổ trưởng công đoàn.

- Thực hiện tốt chế độ thông tin báo cáo và chế độ kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ công đoàn cơ sở.

- Tổ chức thực hiện tốt nội dung xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh.

3.3. Chi đoàn thanh niên cộng sản HCM Trường Mầm non Nà Bó

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong nhà trường hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục.

Đoàn viên thanh niên được xác định là những cánh tay đắc lực, là đội hậu bị của chi bộ, của nhà trường. Các đồng chí đoàn viên chi đoàn thanh niên Trường Mầm non Nà Bó đã không ngại khó, ngại khổ, chủ động tích cực thực hiện các nhiệm vụ của chi đoàn khi được ban chi ủy chi bộ, ban giám hiệu nhà trường, tổ chức công đoàn giao nhiệm vụ.

Những hoạt động của các đồng chí là sự thầm lặng, cống hiến về sức lực, trí tuệ,... để góp phần tạo dựng lên những thành công trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn cũng như nhiệm vụ của công đoàn, chi đoàn, của chi bộ và của nhà trường.

II. QUY MÔ NHÓM, LỚP, CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Quy mô nhóm, lớp

1.1. Số nhóm, lớp (*nhà trẻ, mẫu giáo*)

- **Tổng số** 20 lớp đạt 541 HS với 8 điểm trường cụ thể:

Nhóm 24 - 36 tháng: 2 nhóm = 48 cháu

Mẫu giáo: 18 lớp = 393 cháu

+ Lớp MG 3T: 4 lớp = 82 cháu

+ Lớp MG 4T: 4 lớp = 109 cháu

+ Mẫu giáo 5 tuổi: 4 lớp = 139 cháu

+ Lớp ghép 2 độ tuổi: 01 lớp = 31 cháu

+ Lớp ghép 3 độ tuổi: 05 lớp = 130 cháu

1.2. Số trẻ ra lớp (*trẻ nhà trẻ; trẻ mẫu giáo; trẻ dân tộc; trẻ khuyết tật hòa nhập*).

- Tổng số 20 nhóm (lớp)

+ 02 nhóm trẻ 48 cháu

+18 lớp mẫu giáo 491 cháu

- Tổng số học sinh dân tộc: 476 trong đó: dân tộc Thái 294; dân tộc Mông 152; dân tộc Khơ Mú 28; dân tộc khác 02.

- Học sinh khuyết tật: Không

1.3. Số điểm trường (*không tính điểm trường chính*) 7, điểm gần nhất 6 km, điểm xa nhất 20 km (*so với trung tâm trường*).

Trong đó:

- Điểm gần nhất Nà Hường: 6 km so với điểm trường chính

- Điểm xa nhất Keo Bó: 20 km so với điểm trường chính

1.4. Tỷ lệ huy động trẻ ra lớp

Trẻ trong độ tuổi ra lớp 541/729 tổng số trẻ địa phương đạt 74,2%.

Trong đó:

- Nhà trẻ: Số trẻ ra lớp 48/141 tổng số trẻ địa phương đạt 34%

- Mẫu giáo: Số trẻ ra lớp 493/588 tổng số trẻ địa phương đạt 83,8%

+ 3 tuổi: Số trẻ ra lớp 122/171 tổng số trẻ địa phương đạt 71,3%

+ 4 tuổi: Số trẻ ra lớp 166/190 tổng số trẻ địa phương đạt 87,3%

+ 5 tuổi: Số trẻ ra lớp 227/227 tổng số trẻ địa phương đạt 100% (22 HS đi học nơi khác).

2. Chất lượng giáo dục

2.1. Chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng

+ Công tác chăm sóc vệ sinh

- 100% trẻ được đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm

- 100% trẻ được sử dụng nguồn nước sạch

+ Thực hiện chế độ dinh dưỡng

- 541/541 đạt 100% trẻ được khám sức khỏe đầu năm.

- 100% trẻ được theo dõi uống vắc xin đúng thời gian quy định

- 100% trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng kết quả như sau:

* Nhà trẻ: TS 48 trẻ trong đó:

- PTBT cân nặng: 45 trẻ (93,7%); SDD cân nặng: 03 trẻ (6,3%)

- PTBT chiều cao: 45 trẻ (93,7%); SDD chiều cao: 03 trẻ (6,3%)

* Mẫu giáo: TS 493 trẻ

- PTBT cân nặng: 474 trẻ (96,1%); SDD cân nặng: 19 trẻ (3,85%)

- PTBT chiều cao: 476 trẻ (96,5%); SDD chiều cao: 17 trẻ (3,5%)

- Bé ngoan: $530/541 = 98\%$

- Bé chuyên cần: $525/541 = 97\%$

- Bé sạch: $524/541 = 96,8\%$

- Học 2 buổi/ngày: $541/541 = 100\%$

- Tỷ lệ trẻ dân tộc thiểu số được tăng cường tiếng việt: 100%

2.2. Chất lượng giáo dục

*** Kết quả đánh giá chất lượng trẻ qua 5 mặt giáo dục**

LVPT	PTTC			PTNN			PTNT			PTTCXH			PTTM			TỔNG
	TS	Đ	%	TS	Đ	%	TS	Đ	%	TS	Đ	%	TS	Đ	%	
6-18 T																
18 - 24T																
25- 36T	48	35	73	48	35	73	48	35	73	48	40	83,33				75,52
3 TUỔI	122	95	78	122	96	78,6	122	95	77,8	122	100	82	122	88	72,1	77,7

4 TUỔI	166	137	82,5	166	138	83,1	166	143	86	166	140	84,3	166	137	82,5	83,73
5 TUỔI	205	190	92,6	205	190	92,6	205	185	90,2	205	190	92,6	205	198	96,5	92,98
CỘNG	541	457	84,47	541	459	84,84	541	458	84,66	541	470	86,88	493	423	85,80	83,33

*** Công tác phổ cập giáo dục**

- 100% các lớp duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Ưu tiên bố trí đủ giáo viên cho các lớp mẫu giáo 5 tuổi.

- 95% phòng học của các lớp có trẻ 5 tuổi là phòng học kiên cố có đủ đồ dùng thiết bị đồ chơi tối thiểu.

- 205/205 trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình đạt 100%.

III. ĐỘI NGŨ

1. Cán bộ quản lý

1.1. Số lượng CBQL: 03 người (Đủ theo Điều lệ Trường mầm non)

1.2. Chất lượng đội ngũ CBQL

* Trình độ đào tạo

- Trình độ chuyên môn: Đại học: 03

- Trình độ lý luận: Trung cấp: 03

- Quản lý giáo dục: 03

* Kết quả đánh giá chuẩn

Đánh giá chuẩn nghề nghiệp Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng: 3/3 đạt loại tốt.

2. Giáo viên

2.1. Số lượng giáo viên: 27 người ; Tỷ lệ 1,35 Gv/lớp.

Căn cứ VBHN số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường mầm non và thông tư số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 tại thời điểm tháng 9 năm 2025 nhà trường thiếu 13 giáo viên.

2.2. Chất lượng đội ngũ giáo viên

a) Chất lượng theo trình độ đào tạo

- Đạt chuẩn: 2

- Trên chuẩn: 25

- Chưa đạt chuẩn: 3

b) Chất lượng theo năng lực (*chuẩn nghề nghiệp*)

- Loại tốt: 9
- Loại khá: 8
- Đạt yêu cầu: 1
- Chưa đạt: 10
- Chưa đánh giá: 01 (giáo viên mới chưa được đánh giá)

3. Nhân viên

- Số lượng cơ cấu theo vị trí việc làm : 02
- Trình độ đào tạo: CĐ tin học 1; chưa qua đào tạo: 1

IV. CƠ SỞ VẬT CHẤT**1. Khuôn viên nhà trường** (*diện tích, cây xanh, các khu vận động; góc địa phương*).

Tổng diện tích khuôn viên toàn trường là 7006,8m². Hàng năm nhà trường lập kế hoạch trồng bổ sung cây xanh bóng mát, cây cảnh xây dựng cảnh quan nhà trường, tạo môi trường giáo dục “Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn”, bằng sự nỗ lực của CBGVNV nhà trường đã đạt được những kết quả đáng khích lệ như sau: Các khu vực trong nhà trường được quy hoạch theo hướng tận dụng các không gian để cho trẻ hoạt động, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ. Môi trường tạo được cơ hội cho trẻ trải nghiệm, phát triển vận động, phát triển thể chất phù hợp với điều kiện nhà trường, văn hóa của địa phương. Trường luôn tận dụng các nguồn nguyên vật liệu sẵn có ở địa phương để trẻ khám phá đặc biệt là nguồn nguyên liệu tự nhiên và phế phẩm.

Môi trường ngoài lớp học cũng nhà trường được tận dụng tối đa để giáo dục và phát huy tính tích cực cho trẻ. Các bài tập vận động được bố trí dọc các lối đi, hành lang, sân chơi,... vừa tạo được cảnh quan đẹp mắt vừa giúp trẻ phát triển vận động mọi lúc mọi nơi.

2. Cơ sở vật chất phục vụ cho học tập**2.1. Khuôn viên nhà trường**

Tổng diện tích khuôn viên toàn trường là 8.973,03m². Hàng năm nhà trường lập kế hoạch trồng bổ sung cây xanh bóng mát, cây cảnh xây dựng cảnh quan nhà trường, tạo môi trường giáo dục “Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn”, bằng sự nỗ lực của CBGVNV nhà trường đã đạt được những kết quả đáng khích lệ như sau:

Các khu vực trong nhà trường được quy hoạch theo hướng tận dụng các không gian để cho trẻ hoạt động, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ. Môi trường tạo được cơ hội cho trẻ trải nghiệm, phát triển vận động, phát triển thể chất phù hợp với điều kiện nhà trường, văn hóa của địa phương. Trường luôn tận dụng

các nguồn nguyên vật liệu sẵn có ở địa phương để trẻ khám phá đặc biệt là nguồn nguyên liệu tự nhiên và phế phẩm.

Môi trường ngoài lớp học cũng nhà trường được tận dụng tối đa để giáo dục và phát huy tính tích cực cho trẻ. Các bài tập vận động được bố trí dọc các lối đi, hành lang, sân chơi...vừa tạo được cảnh quan đẹp mắt vừa giúp trẻ phát triển vận động mọi lúc mọi nơi.

2.2. Cơ sở vật chất phục vụ cho học tập

2.2.1. Phòng học

Tổng số: 17 phòng học (*trong đó kiên cố: 12 phòng; bán kiên cố: 04 phòng; tạm: 01*); phòng ăn, ngủ chung với các phòng học của trẻ.

2.2.2. Phòng chức năng (Nghệ thuật; thể chất; Kismart) : 01 phòng

2.2.3. Sân chơi, bãi tập

Đạt 20% sân chơi có ít nhất 5 loại đồ chơi ngoài trời trong Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho GDMN chưa đạt so với chỉ tiêu giao là 20% đảm bảo luôn được vệ sinh sạch sẽ.

Điểm Trung tâm và các điểm lẻ có hàng rào, công, biển trường ngăn cách với bên ngoài, có sân chơi của các nhóm lớp; các lớp có cây xanh và vườn hoa được cô và trẻ chăm sóc thường xuyên tạo cơ hội cho trẻ khám phá.

2.2.4. Thiết bị dạy học

Trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy đảm bảo. Bộ thiết bị dành cho các lớp 3,4,5 tuổi đảm bảo theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT, các giáo viên tự làm số đồ dùng đảm bảo về số lượng đáp ứng cho công tác chăm sóc, giáo dục trẻ. Diện tích sàn bình quân tối thiểu cho 1 trẻ là 2,76m²/1trẻ. Hệ thống máy tính, máy in, thiết bị nghe nhìn gồm (04 máy tính, 04 máy in, 02 máy chiếu và 10 ti vi) hệ thống mạng Internet đảm bảo sử dụng thuận lợi ở điểm Trung tâm đủ đáp ứng cho công tác quản lý và giảng dạy.

Thực hiện nghiêm túc việc kiểm kê tài sản các lớp học 2 lần/năm học. Có kế hoạch tu sửa, bổ sung đồ dùng, đồ chơi ngoài trời, các thiết bị dạy học trong lớp; Mua sắm, bổ sung tài liệu, học liệu, ĐDDC, phần mềm hỗ trợ cho giáo viên, CBQL trong công tác lập kế hoạch và xây dựng hồ sơ sổ sách quản lý đảm bảo chất lượng, phù hợp thực tiễn, đảm bảo điều kiện thực hiện Chương trình GDMN bằng ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác.

Tiếp tục đẩy mạnh phong trào làm ĐDDC tự tạo để phục vụ cho các hoạt động giáo dục trẻ phù hợp với từng chủ đề. Tổ chức hội thi làm ĐDDC từ phế liệu, chú trọng đến việc làm các đồ chơi động để thu hút trẻ, nhân rộng những sản phẩm đồ dùng đồ chơi tự làm có chất lượng tốt.

3. Khối phòng phục vụ chăm sóc nuôi dưỡng

3.1. Nhà bếp ăn bán trú, thiết bị phục vụ bán trú

Nhà trường có 02 bếp ăn, có đầy đủ đồ dùng đảm bảo tốt cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho việc tổ chức bán trú cho trẻ trong nhà trường:

Để đảm bảo VSATTP tại các trường học có phục vụ bữa ăn bán trú, ngay từ đầu năm học nhà trường đã chỉ đạo các lớp tổ chức bán trú tập trung phải trang bị đầy đủ cơ sở vật chất đối với khu vực bếp nấu, chế biến thức ăn, dụng cụ phục vụ; xây dựng kế hoạch thực hiện đảm bảo VSATTP cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh; thực hiện tốt việc kiểm soát nguồn thực phẩm cung ứng; tuân thủ đúng quy trình chế biến thức ăn, lưu mẫu thức ăn, thực phẩm hằng ngày; thường xuyên vệ sinh trường, lớp, nhà ăn, sử dụng dụng cụ sinh hoạt đảm bảo vệ sinh...

Ngoài ra, tranh thủ sự ủng hộ của các cấp, các ngành, phát huy vai trò của phụ huynh tham gia giám sát việc quản lý bán trú và nấu ăn bán trú cho học sinh.

Ngay từ đầu năm, nhà trường đã ký hợp đồng với 6 lao động phục vụ tại 2 bếp ăn; nhà bếp đảm bảo thoáng mát, hợp vệ sinh, được trang bị đầy đủ tủ lưu mẫu thức ăn, nguồn nước ăn được lọc qua hệ thống máy lọc và đun sôi để học sinh uống, bát đĩa được tráng qua nước sôi trước khi sử dụng. Thực phẩm khô được nhập theo tuần; thực phẩm tươi được nhập theo ngày vào đầu giờ sáng có sự kiểm soát chặt chẽ của nhà trường... Với sự chỉ đạo sát sao từ khâu nhập nguyên liệu đến chế biến và chia suất ăn, trường luôn đảm bảo học sinh có bữa ăn an toàn, đủ dinh dưỡng.

3.2. Nhà kho: 01 nhà

Thực phẩm khô được nhập theo tuần; thực phẩm tươi được nhập theo ngày vào đầu giờ sáng có sự kiểm soát chặt chẽ của nhà trường... Với sự chỉ đạo sát sao từ khâu nhập nguyên liệu đến chế biến và chia suất ăn, trường luôn đảm bảo học sinh có bữa ăn an toàn, đủ dinh dưỡng.

4. Khối hành chính quản trị

4.1. Phòng Hội đồng : 01 phòng

Được bố trí hợp lý thuận tiện cho việc tập trung đông người, chưa đảm bảo diện tích theo quy định.

4.2. Phòng Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng

- Có 01 phòng dành cho hiệu trưởng đảm bảo diện tích theo quy định thuận tiện cho công tác quản lý, chỉ đạo.

- 02 Phòng phó hiệu trưởng: Được đặt ở nơi tương đối thuận tiện, diện tích chưa đảm bảo.

4.3. Phòng y tế: Có 01 phòng đảm bảo diện tích, phòng được trang bị đầy đủ trang thiết bị theo quy định

4.4. Phòng bảo vệ: Có 01 phòng bảo vệ, có đủ các trang thiết bị phụ hợp với nhiệm vụ.

4.5. Khu vệ sinh: Có 8 khu nhà vệ sinh đảm bảo cho 464 trẻ/8 điểm trường được sử dụng.

Có 02/8 điểm trường có phòng vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên.

4. Khu để xe: Có 8/8 điểm trường có khu để xe cho cán bộ, giáo viên, đảm bảo an toàn, thuận tiện.

V. CÔNG TÁC TỰ ĐÁNH GIÁ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GD

1. Kết quả tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục

1.1. Tiêu chuẩn 1:

Tiêu chí không đạt: Không

Tiêu chí đạt mức 1: 1.1, 1.6, 1.10

Tiêu chí đạt mức 2: 1.2, 1.3, 1.4, 1.5, 1.7, 1.8, 1.9

Tiêu chí đạt mức 3: Không

1.2. Tiêu chuẩn 2:

Tiêu chí không đạt: Không

Tiêu chí đạt mức 1: 2.3

Tiêu chí đạt mức 2: 2.2

Tiêu chí đạt mức 3: 2.1

1.3. Tiêu chuẩn 3:

Tiêu chí không đạt: 3.1, 3.2, 3.3, 3.6

Tiêu chí đạt mức 1: 3.4, 3.5

Tiêu chí đạt mức 2: Không

Tiêu chí đạt mức 3: Không

1.4. Tiêu chuẩn 4:

Tiêu chí không đạt: Không

Tiêu chí đạt mức 1: 4.1, 4.2

Tiêu chí đạt mức 2: Không

Tiêu chí đạt mức 3: Không

1.5. Tiêu chuẩn 5:

Tiêu chí không đạt: Không

Tiêu chí đạt mức 1: Không

Tiêu chí đạt mức 2: 5.3, 5.4

Tiêu chí đạt mức 3: 5.1, 5.2

2. Kết luận: Tự đánh giá nhà trường đạt kiểm định CLGD ở mức 1

Phần thứ 2
Kế hoạch phát triển giai đoạn 2019-2025

I. TẦM NHÌN, SỨ MẠNG, CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

1. Tầm nhìn

- Đến năm 2025 Trường Mầm non Nà Bó là một trường chất lượng có đủ điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại.

- Tạo dựng được môi trường chăm sóc, giáo dục an toàn, lành mạnh, kỷ cương để giúp trẻ phát triển một cách toàn diện, trẻ biết sáng tạo, có năng lực tư duy.

2. Sứ mạng

- Xây dựng một đơn vị có tính kỉ luật lao động cao, biết thương yêu hỗ trợ nhau, biết được nhiệm vụ của mỗi cá nhân để tư duy, sáng tạo, làm việc có hiệu quả, trung thực, khách quan trong việc thực thi nhiệm vụ.

- Một ngôi trường thân thiện, chất lượng và hiệu quả. Nơi phụ huynh, học sinh tin cậy. Một chiếc nôi rèn luyện để giáo viên công hiến và học sinh luôn có khát vọng vươn lên khẳng định bản thân, phục vụ học lên cấp học cao hơn. Học sinh có những kĩ năng cơ bản để phục vụ cuộc sống.

3. Cơ hội

- Trong những năm qua ngành giáo dục huyện Mai Sơn đã có những bước phát triển mạnh mẽ nên đã có những tác động không nhỏ đến tầng lớp nhân dân và chính quyền địa phương; Cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương đã có những định hướng quan tâm, chỉ đạo đặc biệt đối với công tác giáo dục của nhà trường.

- Các phong trào học tập, phong trào dạy học được ngành phát động, triển khai đã phần nào làm thay đổi nhận thức, hành động của đội ngũ nhà giáo.

- Đa số phụ huynh có sự phối hợp, hỗ trợ với nhà trường để tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên, được đào tạo cơ bản, có năng lực chuyên môn và kỹ năng sự phạm khá, tốt.

4. Thách thức

- Là xã vùng I cách trung tâm huyện Mai Sơn 8 km, mặt bằng dân trí cũng như kinh tế không đồng đều, nhiều hộ gia đình còn gặp nhiều khó khăn; nhận thức về công tác giáo dục trong một bộ phận cha mẹ học sinh còn bất cập, thiếu tính phối hợp; tỷ lệ con em diện hộ nghèo, cận nghèo và khó khăn và chiếm tỷ lệ khá cao.

- Việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy, tính sáng tạo, chủ động của đội ngũ còn nhiều hạn chế.

- Cơ sở vật chất chưa đồng bộ, hệ thống điện nước bắt đầu xuống cấp, chưa có các phòng để tổ chức các hoạt động chuyên biệt.

- Yêu cầu của xã hội và phụ huynh ngày càng cao về chất lượng giáo dục trong thời kỳ hội nhập; chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phải đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục và liên tục được nâng cao.

- Chất lượng của một số giáo viên, công nhân viên chưa thật sự đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, phù hợp với yêu cầu đổi mới và hội nhập. Nhà trường có đầy đủ phòng học và không còn tình trạng 2 lớp học trong 1 phòng.

- Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi trong những năm tiếp theo. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đạt hiệu quả cao.

- Tầm nhìn đến năm 2025, có từ 50% trẻ trong độ tuổi nhà trẻ ra lớp, trên 95% trẻ trong độ tuổi mẫu giáo ra lớp và chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng được nâng cao.

- Đến năm 2024, trường mầm non Nà Bó phấn đấu đạt được các mục tiêu sau: Được công nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1. Chất lượng giáo dục được khẳng định.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Qui mô nhóm, lớp, số trẻ

2019-2020		2020-2021		2021-2022		2022-2023		2023-2024		2024- 2025	
Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS
20	541	20	556	17	463	18	450	18	440	18	450

2.2. Chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục

- Chất lượng học tập.

+ Thực hiện tốt chuyên môn, nội dung chương trình Giáo dục Mầm non mới 100%. Hàng năm:

- Bé sạch đạt: 100%;

- Bé chăm đạt: 98%

- Bé ngoan đạt: 97%.

- Sức khỏe bình thường trên: 97%
- SDD nhẹ và thấp còi dưới 3%.
- Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi đạt từ 95% trở lên, huy động trẻ 3-5 tuổi từ 85% trở lên. Hoàn thành chương trình đạt 100% trở lên hàng năm.
- Chất lượng đạo đức, kỹ năng sống, kỹ năng tự phục vụ hàng năm đạt trên 80%.
- Hàng năm đều có trẻ tham gia thi các hội thi do các cấp phát động và có giải thưởng.

2.3. Chất lượng đội ngũ

Mục tiêu phát triển đến năm 2025 đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên phấn đấu đạt:

- Năng lực chuyên môn của cán bộ quản lý, giáo viên và công nhân viên được đánh giá khá, giỏi trên 90%.
- Có trên 50% số tiết dạy hàng ngày sử dụng công nghệ thông tin.
- Phấn đấu đến năm 2025 CBGV-NV có 100% trình độ ĐHSPPMN.
- Giáo viên đạt Giáo viên dạy giỏi cấp trường tỷ lệ 70%, cấp huyện tỷ lệ 40%, cấp tỉnh tỷ lệ 10%.
- Hàng năm đạt các danh hiệu thi đua: chiến sĩ thi đua cơ sở 12%; lao động tiên tiến 100%; nhà trường đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc, đơn vị văn hóa cấp tỉnh.
- Phát triển đảng viên trong nhà trường tỷ lệ: 50%
- Phát triển 1-2 đảng viên mới hàng năm; Chi bộ luôn đạt "*Chi bộ trong sạch vững mạnh*". Hàng năm có 1 Đảng viên tham gia học trình độ trung cấp chính trị.

2.4. Cơ sở vật chất, khuôn viên trường học (*xây mới, bổ sung*)

- Từng bước được đầu tư và xây dựng, quy mô giáo dục phát triển, đáp ứng nhu cầu học tập của con em các dân tộc trong xã, tỷ lệ huy động trẻ đúng độ tuổi đến trường đạt tối đa, hàng năm đều đạt và vượt so với chỉ tiêu giao, chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ hơn hẳn so với các năm học trước, trường duy trì công tác phổ cập giáo dục cho trẻ 5 tuổi trên địa bàn xã, đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2.

- Bộ mặt cảnh quan của nhà trường xanh, sạch, đẹp. Hoạt động phong trào nổi rõ ở các hoạt động tổ chức các lễ hội, hội thi thu hút sự quan tâm đông đảo của các bậc cha mẹ học sinh, sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

- Đạt các tiêu chuẩn về quy định trường chuẩn Quốc gia và theo thông tư 02/BGD-ĐT, của Bộ giáo dục và đào tạo quy định đến năm 2025.

- Làm tốt công tác tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền, hội cha mẹ học sinh huy động các nguồn lực nhằm tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

- Xây dựng, nâng cấp phòng học, phòng chức năng, trang bị thêm các thiết bị phục vụ dạy học hiện đại.

- Các phòng tin học, phòng chức năng được trang bị nâng cấp theo hướng hiện đại.

- Xây dựng môi trường, cảnh quan sư phạm đảm bảo các tiêu chí “Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn” luôn đạt "Cơ quan văn hoá".

2.5. Kiểm định chất lượng và đạt chuẩn quốc gia

- Triển khai thực hiện Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ giáo dục và đào tạo quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Tiến hành rà soát các tiêu chí chưa đạt chuẩn, quy hoạch phấn đấu đạt chuẩn, nâng cao chất lượng hoạt động tự đánh giá.

- Hoàn thành báo cáo tự đánh giá kiểm định chất lượng trong phần mềm; Tiếp tục rà soát các minh chứng đảm bảo cho công tác kiểm định chất lượng.

- Tiếp tục triển khai, các các văn bản có liên quan đến công tác kiểm định chất lượng giáo dục mầm non đến đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường và bổ sung hoàn thiện các tiêu chí, tiêu chuẩn theo Thông tư số 25/2014/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 8 năm 2014 của Bộ GD&ĐT ban hành.

- Duy trì tốt công tác tự kiểm tra, thường xuyên giám sát chặt chẽ việc thi hành nhiệm vụ của từng CBQL, GV, NV; thực hiện nghiêm túc việc tự đánh giá chất lượng giáo dục và đề nghị kiểm định chất lượng giáo dục cho nhà trường đúng quy trình.

- Tập trung mọi nguồn lực để tiếp tục củng cố các kết quả đã đạt được và phát triển trường lớp về mọi mặt trong năm học này và những năm học tiếp theo.

- Xây dựng bộ máy quản lí, các tổ chức đoàn thể trong nhà trường; xây dựng khối đoàn kết nội bộ để đặt nền tảng vững chắc cho sự phát triển của đơn vị.

- Xây dựng hệ thống tiêu chí, minh chứng, áp dụng chuẩn nghề nghiệp giáo viên Mầm non để đánh giá phân loại GV cuối năm học từ đó có những định hướng bố trí, sắp xếp và làm tốt công tác bồi dưỡng GV hàng năm.

2.6. Phổ cập giáo dục mầm non

- Đảm bảo các phòng học kiên cố đặc biệt là 95% phòng học kiên cố cho trẻ 5-6 tuổi, số lượng trẻ bình quân/lớp (25,16 trẻ/lớp). Rà soát và có kế hoạch mua sắm, bổ xung và thay thế các thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi đã hỏng cho

9 lớp có học sinh 5 tuổi.

- Chỉ đạo các lớp 5 tuổi xây dựng kế hoạch mua thay thế những đồ dùng đã cũ, hỏng.

- Huy động 100% trẻ 5 tuổi ra lớp đạt chỉ tiêu kế hoạch giao.

- Tuyên truyền tới các ban ngành đoàn thể và toàn thể nhân dân về nội dung, mục tiêu của Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi và công tác PCGDMN.

- Thực hiện nghiêm túc việc tự kiểm tra các tiêu chuẩn đạt chuẩn Phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi đảm bảo trung thực, khách quan, chống bệnh thành tích trong kiểm tra, công nhận lại Phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi.

III. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Qui mô nhóm, lớp, số trẻ

Nội dung thực hiện	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2023- 2024
1. Nhóm, lớp	20	20	17	18	18	18
- Nhà trẻ	2	3	2	2	2	2
- Lớp MG	18	17	15	16	16	16
+ MG 3 tuổi	4	4	4	4	4	4
+ MG 4 tuổi	4	2	2	2	2	2
+ MG 5 tuổi	10	10	9	10	10	10
2. Tổng số trẻ	541	556	463	450	440	445
Trẻ nhà trẻ	49	75	48	65	50	55
Trẻ mẫu giáo	492	491	415	385	390	390
+ Trẻ 3 tuổi	122	133	103	105	93	93
+ Trẻ 4 tuổi	166	175	144	134	148	148
+ Trẻ 5 tuổi	205	183	167	146	149	149
3. Trẻ dân tộc	476	433	379	388	380	380
Trẻ nhà trẻ	32	31	36	41	38	38
Trẻ mẫu giáo	444	402	343	347	342	342
4. PCGDMN	205	183	167	146	149	149

Số trẻ 5 tuổi HTCTGDM N	205	183	167	146	149	149
-------------------------	-----	-----	-----	-----	-----	-----

2. Chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục

Nội dung thực hiện	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
1. CS-ND						
- Tỷ lệ trẻ được khám sức khỏe	541/541 = 100%	556/556 = 100%	463/463 = 100%	450/450 = 100%	440/440 = 100%	445/445 = 100%
- Tỷ lệ trẻ PTBT về cân nặng	515/541 = 95,1%	538/556 = 96,7%	449/463 = 96,9%	437/450 = 97,1%	429/440 = 97,5%	435/445 = 97,7%
+ Trẻ nhà trẻ	44/49 = 87,7%	68/75 = 90,6%	44/48 = 91,6%	60/65 = 92%	47/50 = 94%	52/55 = 94,5%
+ Trẻ mẫu giáo	471/492 = 94,6%	470/491 = 95,7%	401/415 = 96,6%	377/385 = 97,9%	382/390 = 97,9%	383/390 = 98,2%
+ Trẻ MG 5 tuổi	200/205 = 97,5%	179/183 = 97,8%	164/167 = 98,2%	144/146 = 98,6%	147/149 = 98,6%	148/149 = 99,3%
- Tỷ lệ trẻ PTBT về chiều cao	505/541 = 93,3%	525/556 = 94,4%	442/463 = 95,4%	435/450 = 96,6%	430/440 = 97,7%	438/445 = 98,4%
+ Trẻ nhà trẻ	43/49 = 87,7%	66/75 = 88%	43/48 = 89,5%	60/65 = 92,3%	47/50 = 94%	52/55 = 94,5%
+ Trẻ mẫu giáo	462/492 = 93,9%	459/491 = 94%	399/415 = 96,1%	375/385 = 97,4%	383/390 = 98,2%	386/390 = 98,9%
+ Trẻ MG 5 tuổi	198/205 = 96,5%	178/183 = 97,2%	163/167 = 97,6%	143/146 = 97,9%	147/149 = 98,6%	148/149 = 99,3%
- Tỷ lệ chuyên cần	512/541 = 94,6%	533/556 = 95,8%	446/463 = 96,3%	436/450 = 96,8%	428/440 = 97,2%	435/445 = 97,7%
+ Trẻ nhà trẻ	44/49 = 89,7%	68/75 = 90,6%	44/48 = 91,6%	60/65 = 92,3%	47/50 = 94%	52/55 = 94,5%
+ Trẻ mẫu giáo	468/492 = 95,1%	468/491 = 95,3%	402/415 = 96,8%	376/385 = 97,6%	381/390 = 97,6%	383/390 = 98,2%
Trẻ MG 5 tuổi	205/205 = 100%	183/183 = 100%	167/167 = 100%	146/146 = 100%	149/149 = 100%	149/149 = 100%

- Tỷ lệ trẻ học 2B/ngày	541/541 = 100%	556/556 = 100%	463/463 = 100%	450/450 = 100%	440/440 = 100%	445/445 = 100%
+ Trẻ nhà trẻ	49/49 = 100%	75/75 = 100%	48/48 = 100%	65/65 = 100%	50/50 = 100%	55/55 = 100%
+ Trẻ mẫu giáo	492/492 = 100%	491/491 = 100%	415/415 = 100%	385/385 = 100%	390/390 = 100%	390/390 = 100%
+ Trẻ MG 5 tuổi	205/205 = 100%	183/183 = 100%	167/167 = 100%	146/146 = 100%	149/149 = 100%	149/149 = 100%
- Tỷ lệ trẻ được ăn bán trú	541/541 = 100%	556/556 = 100%	463/463 = 100%	450/450 = 100%	440/440 = 100%	445/445 = 100%
+ Trẻ nhà trẻ	49/49 = 100%	75/75 = 100%	48/48 = 100%	65/65 = 100%	50/50 = 100%	55/55 = 100%
+ Trẻ mẫu giáo	493/492 = 100%	491/491 = 100%	415/415 = 100%	385/385 = 100%	390/390 = 100%	390/390 = 100%
+ Trẻ MG 5 tuổi	205/205 = 100%	183/183 = 100%	167/167 = 100%	146/146 = 100%	149/149 = 100%	149/149 = 100%
2. CLGD						
- Tỷ lệ đạt yêu cầu về PTTC	497/541 = 91,8%	521/556 = 93,5%	440/463 = 94,6%	430/450 = 95,5%	425/440 = 96,5%	434/445 = 97,5%
+ Trẻ nhà trẻ	41/49 = 83,6%	63/75 = 84%	42/48 = 87,5%	58/65 = 89,2%	45/50 = 90%	50/55 = 90,9%
+ Trẻ mẫu giáo	456/492 = 92,6%	458/491 = 93,2%	496/415 = 95,4%	372/385 = 96,6%	380/390 = 97,4%	384/390 = 98,4%
+ Trẻ MG 5 tuổi	205/205 = 100%	183/183 = 100%	167/167 = 100%	146/146 = 100%	149/149 = 100%	149/149 = 100%
- Tỷ lệ đạt yêu cầu về PTNN	497/541 = 91,8%	520/556 = 93,5%	438/463 = 94,6%	430/450 = 95,5%	426/440 = 96,8%	432/445 = 97,07%
+ Trẻ nhà trẻ	42/49 = 85,7%	65/75 = 86,6%	43/48 = 89,5%	59/65 = 90,7%	46/50 = 92%	51/55 = 92,7%
+ Trẻ mẫu giáo	455/492 = 92,4%	455/491 = 92,6%	395/415 = 95,1%	371/385 = 96,3%	380/390 = 97,4%	381/390 = 97,6%

+ Trẻ MG 5 tuổi	205/205 = 100%	183/183 = 100%	167/167 = 100%	146/146 = 100%	149/149 = 100%	149/149 = 100%
- Tỷ lệ đạt yêu cầu về PTNT	502/541 = 92,7%	526/556 = 94,6%	439/463 = 94,8%	428/450 = 95,1%	422/440 = 95,6%	428/445 = 96,1%
+ Trẻ nhà trẻ	42/49 = 87,7%	66/75 = 88%	43/48 = 89,5%	59/65 = 90,7%	45/50 = 90%	50/55 = 90,9%
+ Trẻ mẫu giáo	460/492 = 93,4%	460/491 = 93,6%	396/415 = 95,4%	369/385 = 95,8%	377/390 = 96,6%	378/390 = 96,9%
+ Trẻ MG 5 tuổi	205/205 = 100%	183/183 = 100%	167/167 = 100%	146/146 = 100%	149/149 = 100%	149/149 = 100%
- Tỷ lệ đạt yêu cầu về PTTM	458/492 = 93%	465/491 = 94,7%	398/415 = 95,9%	373/385 = 96,8%	379/390 = 97,1%	380/390 = 97,4%
+ Trẻ nhà trẻ						
+ Trẻ mẫu giáo	458/492 = 93%	466/491 = 94,7%	398/415 = 95,9%	373/385 = 96,8%	379/390 = 97,1%	380/390 = 97,4%
+ Trẻ MG 5 tuổi	205/205 = 100%	183/183 = 100%	167/167 = 100%	146/146 = 100%	149/149 = 100%	149/149 = 100%
- Tỷ lệ đạt yêu cầu về PTTCXH	505/541 = 93,3%	527/556 = 94,7%	440/463 = 95%	430/450 = 95,5%	425/440 = 96,5%	435/445 = 96,8%
+ Trẻ nhà trẻ	43/49 = 87,7%	65/75 = 88%	43/48 = 89,5%	59/65 = 90,7%	46/50 = 92%	51/55 = 92,7%
+ Trẻ mẫu giáo	462/492 = 93,9%	462/491 = 94,09%	397/415 = 95,6%	371/385 = 96,3%	379/390 = 97,1%	384/390 = 98,4%
+ Trẻ MG 5 tuổi	205/205 = 100%	183/183 = 100%	167/167 = 100%	146/146 = 100%	149/149 = 100%	149/149 = 100%
- Tỷ lệ trẻ 5T HTCTGD MN	205/205 = 100%	183/183 = 100%	167/167 = 100%	146/146 = 100%	149/149 = 100%	149/149 = 100%

3. Đội ngũ

Nội dung thực hiện	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
--------------------	---------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------

1. Trình độ đào tạo (%)	33/33=100%	32/32=100%	34/34=100%	33/33=100%	34/34=100%	34/34=100%
- Đạt chuẩn	5/33=15,1%	5/32=15,6%	6/34=17,6%	6/33=18,18%	6/34=17,6%	4/34=11,7%
- Trên chuẩn	19/33=57,5%	22/32=68,7%	24/34=70,5%	24/33=72,7%	27/34=79,4%	29/34=85,3%
Chưa đạt chuẩn	9/33=27,2%	5/32=15,6%	4/34=11,7%	3/33=9,09%	1/34=2,9%	1/34=2,9%
- Trình độ LLCT	3/33=9,09%	3/32=9,3%	3/34=8,82%	4/33=12,1%	5/34=14,7%	5/34=14,7%
- Trình độ tin học	25/33=75,7%	28/32=87,5%	30/34=88,2%	32/33=96,9%	33/34=97,05%	33/34=97,05%
- Trình độ NN/tiếng DT	20/33=60,6%	23/32=71,8%	25/34=73,5%	31/33=93,9%	32/34=94,1%	33/34=97%
2. Chuẩn nghề nghiệp (%)	23/31 = 74,1%	25/30= 83,3%	30/32= 96,8%	29/31= 93,5%	32/32 = 100%	32/32 = 100%
+ Loại tốt	8/31=25,8%	8/30= 26,6%	13/30=43,3%	15/31=48,3%	19/32=59,3%	20/32=62,5%
+ Loại khá	15/31 = 48,3%	17/30= 56,6%	17/30=56,6%	14/31=45,1%	13/32=40,6%	12/32=37,5%
3. Kết quả xếp loại CCVC (%)	33/33=100%	32/32=100%	34/34=100%	33/33=100%	34/34=100%	34/34=100%
+ HTXS NV	7/33=21,2%	5/32=15,6%	7/34=20,5%	7/33=21,2%	8/34=23,5%	9/34=26,4%
+ HTTNV	26/33 = 78,7%	28/32= 87,5%	27/34=79,4%	26/33=78,8%	26/34=76,4%	25/34=73,5%
4. Đảng viên (%)	16/33=48,4%	16/32=50%	16/34=47%	17/33=51,5%	19/34=55,8%	20/34=58,8%
5. Giáo viên giỏi các cấp (%)	17/31=54,8%	20/30=66,6%	17/32=53,1%	25/31=80,6%	27/32=84,3%	28/32=87,5%
- Cấp trường	17/17=100%	17/30=56,6%	17/32=53,1%	20/25=80%	20/27=74%	20/28=71,4%

- Cấp huyện	0	03/30 = 10%	0	5/25=20%	7/27=26%	6/28=21,4%
- Cấp tỉnh	0	0	0	0	0	2/28=7,1%
6. SKKN (%)	6/33=18,1%	6/32=18,7%	7/34=20,5%	7/33=21,2%	8/34=23,5%	9/34=26,4%
- Cấp cơ sở	6/6=100%	6/6=100%	7/7/=100%	7/7=100%	7/8=87,5%	7/9 = 77,7%
- Cấp tỉnh	0	0	0	0	1/8=12,5%	2/9=22,3%
7. Danh hiệu thi đua cá nhân (%)	33/33=100%	32/32 = 100%	34/34=100%	33/33=100%	34/34=100%	34/34=100%
- LĐTT	29/33=87,8%	30/32=93,7%	30/32=93,7%	31/33=93,9%	38/42=90,4%	38/42=90,4%
- CSTĐ cơ sở	6/6=100%	6/6=100%	7/7/=100%	7/7=100%	7/8=87,5%	7/9 = 77,7%
- CSTĐ tỉnh	0	0	0	0	1/8=12,5%	2/9=22,3%
8. Hình thức khen thưởng	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTTNV	HTXS NV	HTXS NV
- Bằng khen TTCP						
- Bằng khen BGD						
- Bằng khen UBND						
- Giấy khen UBND	6/6=100%	6/6=100%	7/7/=100%	7/7=100%	7/8=87,5%	7/9 = 77,7%
- Giấy khen Giám đốc SGD	0	0	0	0	0	0

4. Nhà trường, các tổ chức đoàn thể

Nội dung thực hiện	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
--------------------	--------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------

1. Xếp loại mức độ HTNV hàng năm						
- Trường	<i>HTTNV</i>	<i>HTTNV</i>	<i>HTTNV</i>	<i>HTTNV</i>	<i>HTXSNV</i>	<i>HTXSNV</i>
- Chi bộ	<i>HTXSNV</i>	<i>HTXSNV</i>	<i>HTTNV</i>	<i>HTTNV</i>	<i>HTXSNV</i>	<i>HTXSNV</i>
- Công đoàn	<i>Vững mạnh</i>	<i>Vững mạnh</i>	<i>Vững mạnh</i>	<i>Vững mạnh</i>	<i>Vững mạnh</i>	<i>Vững mạnh</i>
- Đoàn TN	<i>Vững mạnh</i>	<i>Vững mạnh</i>	<i>Vững mạnh</i>	<i>Vững mạnh</i>	<i>Vững mạnh</i>	<i>Vững mạnh</i>
- Tổ chuyên môn	<i>HTXSNV</i>	<i>HTXSNV</i>	<i>HTXSNV</i>	<i>HTXSNV</i>	<i>HTXSNV</i>	<i>HTXSNV</i>
2. Danh hiệu thi đua tập thể						
- Trường	<i>TTLĐTT</i>	<i>TTLĐTT</i>	<i>TTLĐTT</i>	<i>TTLĐTT</i>	<i>TTLĐXS</i>	<i>TTLĐXS</i>
- Tổ chuyên môn	<i>TTLĐXS</i>	<i>TTLĐXS</i>	<i>TTLĐXS</i>	<i>TTLĐXS</i>	<i>TTLĐXS</i>	<i>TTLĐXS</i>
3. Hình thức khen thưởng						
- Trường	<i>Giấy khen</i>	<i>Giấy khen</i>	<i>Giấy khen</i>	<i>Giấy khen</i>	<i>Giấy khen</i>	<i>Giấy khen</i>
- Chi bộ	<i>Giấy khen</i>	<i>Giấy khen</i>	<i>Giấy khen</i>	<i>Giấy khen</i>	<i>Giấy khen</i>	<i>Giấy khen</i>
- Công đoàn	<i>Giấy khen</i>	<i>Giấy khen</i>	<i>Giấy khen</i>	<i>Giấy khen</i>	<i>Giấy khen</i>	<i>Giấy khen</i>
- Đoàn TN	<i>Giấy khen</i>	<i>Giấy khen</i>	<i>Giấy khen</i>	<i>Giấy khen</i>	<i>Giấy khen</i>	<i>Giấy khen</i>
- Tổ chuyên môn	<i>Giấy khen</i>	<i>Giấy khen</i>	<i>Giấy khen</i>	<i>Giấy khen</i>	<i>Giấy khen</i>	<i>Giấy khen</i>
4. KĐCL GD và đạt CQG						

<i>Tự đánh giá KĐCLGD (Đạt mức)</i>	<i>Mức 2</i>	<i>Mức 2</i>	<i>Mức 2</i>	<i>Mức 2</i>	<i>Mức 2</i>	<i>Mức 2</i>
<i>- CQG (Phần đầu đạt chuẩn năm nào ?)</i>	2024	2024	2024	2024	2024	2024

5. Cơ sở vật chất và kinh phí thực hiện

*** Giai đoạn 1: Năm học 2019- 2021**

- Sửa chữa đường thoát nước, đường nước cho điểm tiểu khu 8; đường thoát nhà vệ sinh học sinh, đường điện các lớp bán trú và tu sửa nền lớp học cho điểm trung tâm. Đường điện cho điểm Tong Tải.

- Mua sắm trang thiết bị theo thông tư 02 của Bộ GD-ĐT.
- Mua sắm bán trú: chiếu, cây lau nhà, thảm lau, nồi, ca uống nước, thùng rác...
- Kiểm kê hủy và thanh lý tài sản theo quy định.
- Cập nhật tài sản vào phần mềm theo quy định.

Giai đoạn 2 từ năm 2021-2022

-Đề nghị UBND Huyện cấp kinh phí xây dựng hiệu bộ, Phòng BGH tại khu Trung Tâm. Nguồn ngân sách

- Cải tạo sửa chữa mái trần nhà, hệ thống điện, nước tại 3 điểm trường, sửa hệ thống CTVS, ống thoát nước 3 điểm trường. Nguồn ngân sách
- Sơn tường, cửa các lớp tại điểm tiểu khu 7 bằng nguồn ngân sách
- Mua sắm trang thiết bị theo thông tư 02 của Bộ GD-ĐT.
- Mua sắm bán trú: chiếu, cây lau nhà, thảm lau, nồi, ca uống nước, thùng rác...bằng nguồn xã hội hoá
- Kiểm kê hủy và thanh lý tài sản theo quy định.
- Cập nhật tài sản vào phần mềm theo quy định.
- Bổ sung 1 số đồ thiết bị đồ chơi ngoài trời, khu vui chơi vận động cho trẻ.
- Lắp đặt hệ thống dẫn nước sạch, máy lọc nước cho 02 điểm trường. Nguồn ngân sách

Giai đoạn 4: Từ năm 2022 – 2023

-Bổ sung 1 số đồ thiết bị đồ chơi ngoài trời, thay thế một số hệ thống biểu bảng, cải tạo khu vườn thiên nhiên của bé, nâng cấp khu vui chơi vận động. Nguồn ngân sách

-Sửa chữa,bảo trì hệ thống, đường thoát nước, ống thoát nước; đường điện cho các lớp tại tất các các điểm trường.Nguồn ngân sách

- Quy hoạch lại khuôn viên, xây dựng các phòng học, phòng chức năng, phòng công vụ khu trung tâm. Nguồn XHH + Ngân sách

- Cải tạo nền, sơn tường, cửa điểm Trung tâm, Pá Đông + Phiêng Hinh. Nguồn ngân sách

- Tiếp tục củng cố và đẩy mạnh chất lượng giáo dục, tăng cường hệ thống CSVC, tiếp tục cải tạo các công trình vệ sinh các điểm khu lẻ. Nguồn xã hội hoá

- Có kế hoạch và đề xuất cấp trên phê duyệt tổ chức bán trú tập trung tại điểm Pá Đông.

- Tổ chức sơ kết rút kinh nghiệm sau 03 năm thực hiện kế hoạch chiến lược và bổ sung kế hoạch chiến lược những năm tiếp theo.

Giai đoạn 5 từ năm 2023 - 2024

- Xây dựng thêm 04 phòng học, 01 công trình vệ sinh cho học sinh tại Trung tâm trường bằng nguồn Ngân sách.

- Bán mái tôn điểm Trung tâm; Đông Sần bằng nguồn xã hội hoá.

- Tu sửa, cải tạo 02 bếp ăn của học sinh tại Trung tâm trường và Tiểu khu 7 bằng nguồn xã hội hoá.

- Tiếp tục củng cố và đẩy mạnh chất lượng giáo dục, tăng cường hệ thống CSVC, tiếp tục cải tạo các công trình vệ sinh các điểm khu lẻ.

- Tổ chức sơ kết rút kinh nghiệm sau 04 năm thực hiện kế hoạch chiến lược và bổ sung kế hoạch chiến lược những năm tiếp theo.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nhóm giải pháp về đổi mới quản lý giáo dục

Tiếp tục đổi mới công tác quản lý, tăng cường công tác kiểm tra và tự kiểm tra để khắc phục những tồn tại yếu kém khi thực hiện kế hoạch dài hạn.

Giảm bớt thủ tục hành chính trong công tác điều hành quản lí của Hiệu trưởng và các tổ chức đoàn thể như: Hạn chế các buổi hội họp, triển khai nhanh đầy đủ và kịp thời các nội dung cần làm. Đổi mới cách đánh giá, kiểm tra, khắc phục kịp thời và đạt hiệu quả các sai sót hạn chế của từng cá nhân và các tổ chức đoàn thể. Làm tốt công tác thi đua khen thưởng đối với giáo viên và học sinh. Đánh giá đúng năng lực thực của từng cá nhân. Bố trí, sắp xếp công việc phù hợp với năng lực của từng cá nhân, tạo điều kiện cho những giáo viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được tham gia học tập các lớp nâng chuẩn trong từng năm học. Chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật lao động, đảm bảo ý thức trách nhiệm

và nề nếp làm việc.

2. Nhóm giải pháp về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường

- Phát huy vai trò lãnh đạo của Chi bộ Đảng, phân công, phân nhiệm cho từng cá nhân và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường.

- Thường xuyên tổ chức các buổi học tập các Nghị quyết, chỉ thị, các văn bản, Điều lệ Trường mầm non, các văn bản liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của CB, GN, CNV trong nhà trường.

- Tổ chức thường xuyên các chuyên đề dạy học, tổ chức cho giáo viên nòng cốt được tham gia giao lưu học tập ở các trường thuận lợi.

- Đẩy mạnh công tác quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, có chất lượng cao, bảo đảm đủ các chuẩn về chính trị và chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức, chính trị tốt, đoàn kết, tâm huyết, gắn bó với nhà trường, hợp tác, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Phấn đấu “*Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương về đạo đức và sáng tạo*” để trẻ noi theo.

- Tăng cường công tác tham mưu xin tuyển giáo viên, nhân viên hợp đồng đảm bảo đủ định biên theo quy định, thực hiện công tác bồi dưỡng gắn với tự bồi dưỡng của từng CB, GV một cách hiệu quả.

- Nâng cao tinh thần trách nhiệm, nắm bắt và triển khai kịp thời, thực hiện có hiệu quả các công văn chỉ đạo của lãnh đạo các cấp. Tích cực tự học, tự bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn và rèn luyện, tu dưỡng phẩm chất, đạo đức nhà giáo đáp ứng yêu cầu mới hiện nay. Luôn đổi mới công tác chỉ đạo, có kỹ năng xây dựng kế hoạch hoạt động và tổ chức thực hiện phù hợp đặc điểm tình hình của nhà trường.

- Xây dựng đội ngũ giáo viên có phẩm chất, đạo đức và năng lực chuyên môn vững vàng. Giáo viên không ngừng nêu cao tinh thần tự học, tự rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ, nhạc, họa,... đáp ứng chương trình giáo dục mầm non. Mỗi giáo viên có bài báo cáo cải tiến, đổi mới phương pháp chăm sóc, giáo dục trẻ trong từng năm học. Giáo viên có kế hoạch, có kiên thức và kỹ năng chăm sóc, giáo dục riêng cho trẻ bị suy dinh dưỡng, trẻ tự kỷ, trẻ khuyết tật (nếu có). Hằng năm tổ chuyên môn có ít nhất một chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

- Tổ chức các buổi giao lưu, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm trong việc thực hiện chương trình GDMN và các chuyên đề mới triển khai giữa các trường mầm non và giáo viên các khối, lớp trong trường với nhau. Chú trọng đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt tổ chuyên môn, trong đó chú trọng tới việc phát triển chương trình phù hợp với thực tế, xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm.

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục trong CB-GV thường xuyên rèn luyện đạo đức, lối sống, tuyệt đối không có những hành vi vi phạm đạo đức nhà giáo; theo dõi, ngăn chặn kịp thời các biểu hiện tiêu cực, hành vi vi phạm,...

- Luôn tạo mọi điều kiện cho CB-GV đi học, tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng nghiệp chuyên môn, và lý luận chính trị do các cấp, các ban ngành tổ chức; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên trong nhà trường và tổ chức hướng dẫn cho giáo viên thực hiện theo kế hoạch triển khai.

- Thực hiện việc quản lý, đánh giá chất lượng đội ngũ giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp GVMN và đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng. Tiếp tục triển khai kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên trong đội ngũ CB-GV; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và quy hoạch cán bộ kế cận một cách dài hạn.

- Rà soát lại nguồn nhân lực hiện có để tổ chức, sắp xếp đội ngũ CBVC trong nhà trường, phân công nhiệm vụ hợp lý, tổ chức hoạt động chuyên môn, đoàn thể như: Tổ trưởng các tổ chuyên môn, tổ văn phòng phù hợp với khả năng và năng lực chuyên môn,... phân công, bố trí giáo viên dạy các nhóm, lớp phù hợp và đúng theo qui định.

3. Nhóm giải pháp về xây dựng Kế hoạch giáo dục theo hướng đổi mới

- Nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ, giúp trẻ phát triển một cách toàn diện về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ vào lớp một. Hình thành và phát triển ở trẻ những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi,...

- Đổi mới phương pháp dạy học theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm. Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Thực hiện lồng ghép tích hợp các nội dung chuyên đề đã và đang triển khai như: giáo dục kỹ năng sống cho trẻ, giáo dục bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, giáo dục an toàn giao thông cho trẻ,...

- Hàng năm xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên theo các mô đun và thực hiện việc bồi dưỡng có chất lượng trong đó chú trọng tới các mô đun ưu tiên và các chuyên đề hàng năm đã triển khai. Bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên bằng nhiều hình thức: tham gia học nâng cao trình độ chuyên môn trên chuẩn, dự các lớp bồi dưỡng hè, dự thao giảng cụm, trường, dự giờ bạn, tổ chức và tham gia hội thi giáo viên giỏi các cấp, đăng ký dạy tốt, học tốt,...

- Thực hiện có hiệu quả các cuộc vận động và các phong trào thi đua của các ban, ngành triển khai, gắn với chủ đề của từng năm học. Đẩy mạnh các phong trào thi đua trong nhà trường như: thao giảng chuyên đề, viết sáng kiến, thi giáo viên dạy giỏi, làm đồ dùng đồ chơi tự tạo từ nguyên vật liệu thải bỏ,... Phần đầu đạt nhiều giáo viên dạy giỏi các cấp và đạt nhiều sáng kiến có giá trị được vận dụng vào thực tiễn.

- Thực hiện tốt chương trình giáo dục mầm non theo phương pháp đổi mới, tổ chức các hoạt động giáo dục linh hoạt, sáng tạo theo hướng tích hợp của từng chủ đề, phù hợp với lứa tuổi. Nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm. Xây dựng môi trường giáo dục trong và ngoài lớp đa dạng, phong phú và hấp dẫn trẻ để thu hút sự hứng thú, kích thích tính tích cực hoạt động, khám phá của trẻ, tận dụng mọi cơ hội cho trẻ thực hành trải nghiệm ở mọi nơi mọi lúc.

- Thực hiện tốt công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ cả về thể chất và tinh thần. Tăng cường phòng chống tai nạn, thương tích trong nhà trường. Thực hiện tốt công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, vệ sinh phòng dịch kịp thời cho trẻ. Nâng cao chất lượng bữa ăn cho trẻ, đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng cân đối và hợp lý. Tổ chức thực hiện đúng chế độ ăn-ngủ của trẻ theo yêu cầu từng độ tuổi. Thực hiện khám sức khỏe định kỳ, cân, đo, theo dõi sức khỏe trẻ bằng biểu đồ phát triển đầy đủ.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức về chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng trẻ theo khoa học và huy động các nguồn lực cùng chăm lo phát triển giáo dục mầm non trong các bậc cha mẹ và cộng đồng. Tích cực vận động, phối hợp với các bậc phụ huynh trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ, nâng cao chất lượng bữa ăn cho trẻ, có biện pháp phòng chống trẻ suy dinh dưỡng, trẻ béo phì nhằm hạn chế tối đa tỉ lệ trẻ duy dinh dưỡng, trẻ béo phì.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nhằm chấn chỉnh và tư vấn điều chỉnh kịp thời những nội dung, phương pháp thiếu khả thi và chưa hiệu quả.

- Từng bước đưa vào dạy năng khiếu cho trẻ: tin học, ngoại ngữ, nhạc họa, thể dục nhịp điệu, bơi lội,...

4. Nhóm giải pháp về xây dựng các điều kiện để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục

Xây dựng kế hoạch, quy hoạch và chiến lược phát triển cơ sở vật chất phù hợp với chiến lược chung của nhà trường. Theo đó, trong thời gian trước mắt, cần xây dựng ngành mũi nhọn để ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, giúp ngành này sớm trở thành ngành chất lượng cao, tiếp cận trình độ khu vực và thế giới.

Huy động các nguồn lực ngoài học phí để đầu tư cơ sở vật chất. Đồng thời, tăng cường mối quan hệ với các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và trên thế giới để có cơ hội học hỏi kinh nghiệm, thu hút thêm nguồn tài trợ, đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

Công nghệ thông tin có vai trò quan trọng tác dụng làm thay đổi nội dung, phương pháp dạy và học, công nghệ thông tin là phương tiện để tiến tới xây dựng một “xã hội học tập”. Chính vì vậy, các nhà trường cần đầu tư trang thiết bị, phương tiện dạy học hiện đại, cột thu sóng wifi mạnh đủ cho giáo viên và sinh viên tham gia kết nối và học tập trên internet một cách dễ dàng hơn.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổ chức phổ biến Kế hoạch chiến lược phát triển giáo dục.

Dự thảo kế hoạch chiến lược được sự góp ý bổ sung của Cấp ủy, đảng viên chi bộ. Hội đồng trường, BGH, tổ chuyên môn và các đoàn thể chính trị trong nhà trường.

Kế hoạch chiến lược được phổ biến rộng rãi đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh, chính quyền địa phương và các tổ chức ban ngành, đoàn thể, các tổ chức cá nhân quan tâm đến nhà trường.

2. Phân công trách nhiệm thực hiện

2.1. Hiệu trưởng

- Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch, lộ trình xây dựng trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1.

- Thực hiện rà soát cơ sở vật chất lên kế hoạch dự trù, cải tạo mua sắm trang thiết, đồ dùng đồ chơi tối thiểu theo quy định.

- Tham mưu lãnh đạo các cấp về phê duyệt chủ trương và kinh phí xây dựng những hạng mục cơ sở vật chất theo quy định và bổ sung nhân sự cho trường.

- Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược tới từng cán bộ giáo viên, nhân viên nhà trường. Thành lập Ban kiểm tra và đánh giá thực hiện kế hoạch trong từng năm học.

2.2. Phó hiệu trưởng

Theo nhiệm vụ được phân công, giúp hiệu trưởng tổ chức triển khai từng phần việc cụ thể, đồng thời kiểm tra và đánh giá việc thực hiện kế hoạch, đề xuất những giải pháp để thực hiện. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch theo từng học kỳ, năm học.

2.3. Các tổ chức đoàn thể

- Xây dựng kế hoạch thực hiện của đoàn thể mình trong việc tham gia thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường.

- Tuyên truyền, vận động các thành viên của đoàn thể, tổ chức mình thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, góp ý với nhà trường để điều chỉnh, bổ sung các giải pháp phù hợp nhằm thực hiện tốt kế hoạch phát triển nhà trường.

2.4. Đối với các tổ trưởng (VP + chuyên môn)

+ Phối hợp với chuyên môn trường trong việc triển khai các giải pháp đổi mới, cụ thể hóa việc ứng dụng các phương pháp dạy học tiên tiến, kế hoạch nâng cao chất lượng dạy học của nhà trường.

+ Tham mưu cho Hiệu trưởng trong việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

+ Phối hợp với các đoàn thể trong trường tham mưu cho BGH tổ chức triển khai nhiệm vụ hàng năm đạt kết quả năm sau cao hơn năm trước.

2.5. Giáo viên

Thực hiện tốt nội quy, quy chế nhà trường, quy chế chuyên môn, tổ chức tốt các hoạt động của trẻ theo đúng chế độ sinh hoạt hàng ngày.

Chịu trách nhiệm về chất lượng CSND và giáo dục trẻ. Đảm bảo an toàn cả về thể chất lẫn tinh thần cho trẻ trong suốt thời gian trẻ ở trường.

Đôi sử công bằng, công tâm với mọi trẻ, không xúc phạm thân thể, tâm lý trẻ. Hoàn thành chỉ tiêu huy động trẻ đến lớp.

Tuyên truyền phổ biến cho phụ huynh về kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ. Chủ động, thường xuyên trao đổi với phụ huynh về tình hình của trẻ.

Tham gia đầy đủ các lớp học tập chính trị, các lớp tập huấn của Sở, Phòng, trường tổ chức, luôn cố gắng học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Quyết dọn vệ sinh trước, sau và trong khu vực trường, lớp học; thực hiện lịch vệ sinh theo ngày, tuần, tháng, năm.

2.6. Công tác của nhân viên

2.6.1. Kế toán, văn thư

* Kế toán: Phụ trách các công việc của nhân viên kế toán theo qui định. Đề xuất phương án và thao tác hợp đồng lao động trong nhà trường.

Tham mưu với Hiệu trưởng các việc liên quan đến thu, chi tài chính và cùng Hiệu trưởng chịu trách nhiệm trước các cơ quan Nhà nước về công tác thu, chi tài chính của nhà trường.

Theo dõi và cập nhật sổ bảo hiểm của CBCCV trong trường. hướng dẫn CBGVNV làm hồ sơ nâng lương, thâm niên và các hồ sơ nghỉ hưu, chuyển trường... đồng thời trực tiếp giao dịch với các cơ quan cấp trên về các loại hồ sơ theo qui định.

Chịu trách nhiệm cá nhân trước Hiệu trưởng và các cơ quan chức năng về hồ sơ tài chính kế toán hàng năm; có trách nhiệm bảo quản lưu giữ hồ sơ theo qui định hiện hành. Làm hồ sơ “Ba công khai” hàng năm và thực hiện công khai theo qui định. Thực hiện công tác khác khi BGH phân công.

* Văn thư: Quản lý công văn đến, đi. Giúp việc cho hiệu trưởng về soạn thảo các văn bản, kế hoạch, báo cáo, Quyết định.... Có trách nhiệm tiếp tân hội nghị khi nhà trường có khách. Nộp báo cáo, kế hoạch các hoạt động của nhà trường với cấp trên. Viết đưa tin bài hàng tuần, hàng tháng. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

2.6.2. Thủ quỹ

Kiểm nhiệm công tác thủ quỹ của nhà trường. Có trách nhiệm tiếp tân hội nghị khi nhà trường có khách.

Kiểm tra vệ sinh học đường, vệ sinh môi trường. Giao nhận thực phẩm, kiểm tra lưu mẫu thức ăn, kiểm thực 3 bước.

2.6.3. Nhân viên nuôi dưỡng

Thực hiện nhiệm vụ của nhân viên nuôi dưỡng: sơ chế, chế biến món ăn cho trẻ theo đúng quy trình bếp 1 chiều. Tuân thủ các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm trong chế biến ăn uống cho trẻ trong trường mầm non, đảm bảo không để xảy ra ngộ độc thực phẩm. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

Khởi thông công rãnh. Phối hợp với giáo viên nhóm, lớp tổng dọn vệ sinh khu vực sân trường vào các ngày thứ 6 cuối tuần, các ngày mưa bão. Thường xuyên bao quát toàn khu vực ngoài trường học, khi có biểu hiện không đảm bảo vệ sinh phải báo cho lãnh đạo nhà trường biết để có biện pháp xử lý.

2.6.4. Bảo vệ

Thường trực tại cổng chính 12/12 để hướng dẫn khách đến liên hệ công tác, nhắc nhở phụ huynh chấp hành các quy định khi đến trường đảm bảo nghiêm túc, lịch sự, nhã nhặn, tận tình, chu đáo. Thường xuyên tuần tra bao quát toàn khu vực trong phạm vi quản lý của trường, ngăn chặn người ngoài vào trường khi không có yêu cầu công tác; giám sát, kiểm tra người mang tài sản của trường ra khỏi cơ quan (khi có nghi ngờ). Khi có biểu hiện bất thường về trật tự phải báo cho lãnh đạo đơn vị biết để có biện pháp xử lý. Quản lý chìa khóa cổng trường, mở và đóng cổng trường đúng qui định.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với UBND Huyện Mai Sơn

Xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá; đầy đủ các phòng học, phòng chức năng kiên cố, đồ dùng trang thiết bị theo Thông tư 02/2010. Đảm bảo các tiêu chuẩn trường mầm non chuẩn quốc gia mức độ 1 vào năm 2024.

2. Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Mai Sơn

Tăng cường đầu tư kinh phí xây dựng, sửa chữa, bổ sung CSVC cho nhà trường, từng bước đáp ứng CSVC theo lộ trình trường đạt chuẩn của Phòng Giáo dục đã xây dựng.

3. Đối với Cấp ủy đảng, Chính quyền địa phương.

Quan tâm, hỗ trợ về cơ sở vật chất để nhà trường xây dựng môi trường bên ngoài phong phú cho trẻ hoạt động.

Trên đây là Kế hoạch chiến lược phát triển trường Mầm non Nà Bó giai đoạn 2019-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 đã được thông qua Chi bộ Đảng, Hội đồng trường và tập thể Hội đồng sư phạm. Đề nghị các bộ phận, cá nhân thực hiện nghiêm túc kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (b/c);
- Đảng ủy – UBND xã Nà Bó(b/c)
- Lưu NT.

HIỆU TRƯỞNG

Triệu Thị Tú Anh

DUYỆT PHÒNG GD VÀ ĐÀO TẠO

DUYỆT UBND XÃ NÀ BÓ